

Bản án số: 609/2026/DS-PT

Ngày: 19 - 6 - 2026

V/v “Tranh chấp thừa kế quyền
sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Thẩm phán: Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Bà Đào Thị Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thảo Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cuol - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/6/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 575/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 596/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị Kim L**, sinh năm 1976. (*có mặt*)

Địa chỉ: Số C ấp M, xã M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ngày 08/10/2025): Bà **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ. (*có mặt*)

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn Q**, sinh năm 1975. (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Hợp đồng ủy quyền ngày 27/10/2025): Ông **Phan Long H**, sinh năm 1987; địa chỉ: D khu V, phường C, thành phố Cần Thơ. (*có mặt*)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Lê Thị Q1**, sinh năm 1974. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Lê Văn L1**, sinh năm 1958. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

3. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1977. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

4. Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1961. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

5. Ông **Lê Văn D1**, sinh năm 1970. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

Cùng Địa chỉ: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ.

6. Ông **Lê Văn T2** (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T2, gồm:

6.1. **Lê Tấn P** (con ông T2).

6.2. **Lê Huệ T3** (con ông T2).

Các đương sự không cung cấp được địa chỉ do không còn liên lạc.

7. Ông **Lê Văn B** (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông B, gồm:

7.1. Bà **Lâm Thị Ú** (vợ ông B). *(vắng mặt)*

7.2. Chị **Lê Thị Ánh N** (con ông B). *(vắng mặt)*

7.3. Anh **Lê Hữu T4** (con ông B). *(vắng mặt)*

Cùng Địa chỉ: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ

8. Bà **Lê Thị B1** (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B1, gồm:

8.1. Ông **Đặng Văn T5** (chồng bà B1). *(vắng mặt)*

8.2. Anh **Đặng Quốc N1**, sinh năm 1984 (con bà B1). *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ.

8.3. Chị **Đặng Thị Thúy H1**, sinh năm 1986 (con bà B1). *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp X, xã T, thành phố Cần Thơ:

8.4. Chị **Đặng Thị Thúy N2**, sinh năm 1988 (con bà B1). *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số F đường C, khu tái định cư T, phường T, thành phố Cần Thơ.

9. Ông **Lê Hoàng H2** (L2) đã chết.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H2, gồm:

9.1. Bà **Nguyễn Thị H3 (Q2)** (vợ ông H2). *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

9.2. Chị **Lê Thị Mỹ P1** (con ông H2). *(vắng mặt)*

9.3. Chị **Lê Thị Mỹ P2** (con ông H2). *(vắng mặt)*

Cùng Địa chỉ: Ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ.

10. Công ty TNHH Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn P3; địa chỉ: A - B đường số F, khu dân cư C, phường C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

11. Ông **Lê Văn M** (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M, gồm:

11.1. Bà **Phan Thị Kim L**, sinh năm 1976.

11.2. Chị **Lê Thị Kiều D2**, sinh năm 1995. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

11.3. Chị **Lê Thị Kiều N3**, sinh năm 2000. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

11.4. Cháu **Lê Thị Kiều N4**, sinh năm 2007. *(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

11.5. Cháu **Lê Phúc T6**, sinh năm 2018. *(vắng mặt)*

Cùng Địa chỉ: Số C ấp M, xã M, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị Kim L, bị đơn ông Lê Văn Q, người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều D2, chị Lê Thị Kiều N4, bà Lê Thị Q1, bà Lê Thị T, ông Lê Văn D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Phan Thị Kim L có đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là di sản của cha, mẹ chồng nguyên đơn là cụ Lê Văn T7 (chết năm 2022) và cụ Bùi Thị T8 (chết 2012) để lại. Trước khi chết cha mẹ chồng có lập di chúc chia đất cho các con ngày 12/8/2003, di chúc có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn N vào ngày 13/8/2003. Trong di chúc cụ T7 và cụ T8 để lại cho chồng nguyên đơn tên thường gọi là Lê Văn C, còn tên thật là Lê Văn M, sinh năm 1972, đã chết ngày 08/4/2020 được hưởng 2.000 m² ở thửa 650, hiện nay diện tích còn lại sau khi nhà nước thu hồi đất giao cho Công ty Đ làm dự án khu dân cư theo đo đạc thực tế là 2.750,5m² nguyên đơn là đại diện cho các con khởi kiện yêu cầu được hưởng thừa kế theo di chúc phần đất

2.000m²/2750,5m² theo phần đo đạc thực tế. Các con cụ T7, cụ T8 trước đây đều được hai cụ cho nên nhà gồm có ông T1, ông B, ông D1 (anh thứ T9), chồng nguyên đơn Lê Văn M cũng có 01 nền nhà bán vào năm 1999 để mua đất ở Sóc Trăng. Ông Lê Văn Q cũng được cho đất trong di chúc 1500m² nhưng đã nhận bằng tiền quy hoạch do cụ T7 giao để về mua đất cất nhà ở P. Bị đơn không thừa nhận nhưng khi cha chồng nhận tiền quy hoạch có cho lại ông Q. Nguyên đơn thống nhất kết quả đo đạc, thẩm định giá. Nguyên đơn yêu cầu được nhận hiện vật là đất theo chứng thư định giá đối với diện tích 2.000m², không tranh chấp về cây trồng và vật kiến trúc trên đất. Trên phần đất trước đây vợ chồng nguyên đơn có trồng 5 cây mận.

** Bị đơn ông Lê Văn Q trình bày:* Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế đối với phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 2.750,5m² vì thực tế phần đất cha, mẹ để lại không đủ theo di chúc mà nguyên đơn đưa ra, bị đơn không biết di chúc này lập khi nào, các anh em trong nhà cũng không biết. Bị đơn là con út trong gia đình ở chung với cha, mẹ từ nhỏ nên các anh, chị, em trong gia đình thống nhất cho bị đơn hưởng phần đất này nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn đối với 2.000m² vì di chúc bên nguyên đơn đưa ra lập trước khi đất nằm trong quy hoạch, bị đơn cũng không hưởng được phần đất 1500m² như trong di chúc vì cha, mẹ đã nhận đền bù. Lúc con sống chồng bà L là ông Lê Văn M đã được cha, mẹ cho 1 nền đã bán lại cho người khác để về Sóc Trăng ở vào năm 1998 - 1999. Bị đơn yêu cầu Tòa án tuyên hủy hoặc vô hiệu di chúc ngày 12/8/2003 với lý do di chúc lập khi đất cấp cho hộ nhưng 6 thành viên hộ tại thời điểm lập di chúc không đủ 6 người ký tên, hiện diện tích đất đến nay đã thay đổi không còn đủ theo di chúc. Trong di chúc ghi người được hưởng ông Lê Văn C nhưng thực tế không có ai tên Lê Văn C mà chỉ có ông Lê Văn M.

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều D2 và chị Lê Thị Kiều N3 trình bày:* Xin được hưởng thừa kế theo pháp luật phần đất mà cha là ông Lê Văn C, tên thật là Lê Văn M được nhận với tư cách người thừa kế của cha. Đồng ý giao cho mẹ là bà Phan Thị Kim L toàn quyền quyết định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Q1, bà Lê Thị T, ông Lê Văn L1, ông Lê Văn B, ông Lê Văn D1, ông Lê Văn T1, ông Lê Hữu T4:* Thống nhất giao phần đất tranh chấp cho ông Lê Văn Q, không yêu cầu gì đối với vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P3:* Theo mảnh trích đo địa chính số 597-2023 ngày 10/10/2023 ông cho rằng đơn vị đo đạc bị nhầm lẫn ranh quy hoạch. Theo quy hoạch chi tiết 1/500 là đường số 5 tiếp giáp với dự án Hồ N có chỉ giới lòng đường 10,5m và vỉa hè là 5m nhưng ranh quy hoạch Công ty Đ chỉ làm ½ đường khoản 5,25m, phần còn lại nửa đường số 5 trở

qua ông Lê Văn T7 là của Công ty H5. Phần đất theo đo đạc vị trí I và I1 không liên quan tới dự án của Công ty Đ. Nếu có phát sinh tranh chấp ông đề nghị tách ra thành vụ án khác.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại bản án số 56/2025/DSST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc chia thừa kế. Buộc bị đơn Lê Văn Q có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn Phan Thị Kim L số tiền 975.845.800 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn Lê Văn Q. Tuyên bố “TỜ DI CHỨC ĐẤT ĐAI” do ông Lê Văn T7 và bà Bùi Thị T8 lập ngày 12/8/2003, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 13/8/2003 vô hiệu.

Công nhận cho bị đơn Lê Văn Q phần đất thừa kế diện tích 2.620,3m². Bị đơn Lê Văn Q được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với người liên quan vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp được địa chỉ, để đảm bảo quyền lợi Hội đồng xét xử áp dụng án lệ số 06/2016/AL tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự vắng mặt có yêu cầu, phần tài sản tạm giao cho bị đơn Lê Văn Q quản lý.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, tiền án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ đã tuyên xử nên nguyên đơn bà Phan Thị Kim L, bị đơn ông Lê Văn Q, người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều D2, chị Lê Thị Kiều N4, bà Lê Thị Q1, bà Lê Thị T, ông Lê Văn D1 kháng cáo bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Ngọc D trình bày: Bà L được cụ T7 và cụ T8 để di chúc cho ông M (chồng bà L) là 1.000m². Bà L và ông M có chuyển nhượng thêm của cụ T7 cụ T8 thêm 1.000m² nên nguyên kháng cáo yêu cầu công nhận là 2.000m². Căn cứ theo các đoạn ghi âm thì vợ chồng ông Q thừa nhận phần đất tranh chấp này là của ông M, bà L đã chuyển nhượng. Tòa án sơ thẩm tuyên di chúc vô hiệu là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Phía đại diện ủy quyền của bị đơn ông Phan Long H trình bày: File ghi âm của bà L phía bị đơn không thừa nhận, nội dung không rõ ràng, không thể hiện

được việc cụ T7, cụ T8 có chuyển nhượng đất cho nguyên đơn. Đối với tờ di chúc thì lúc lập di chúc phần đất chưa nằm trong quy hoạch giải tỏa. Ngay cả bị đơn cũng được hai cụ lập di chúc tặng cho 1.500m² nhưng đến nay cũng không còn đất để nhận do bị quy hoạch. Hai cụ đã nhận tiền phần đất trong di chúc lúc còn sống nên không thể thực hiện theo di chúc.

Bị đơn yêu cầu chia kỹ phần cho 06 người trong hộ. 01 phần của cụ T7 và 01 phần cụ T8 nhập lại chia đều cho 11 người con. Không đồng ý theo cách phân chia của Tòa án cấp sơ thẩm.

Riêng đối với phần kháng cáo của bị đơn xin nhận phần của chị Lê Thị Mỹ P1 yêu cầu để phần thừa kế của chị được hưởng cho ông Lê Văn Q. Tòa án sơ thẩm tuyên cho bà L hưởng chị P1 không kháng cáo. Ông Q đồng ý cho chị L hưởng phần này và có rút lại một phần yêu cầu kháng cáo này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Kim L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều N3, chị Lê Thị Kiều N4, chị Lê Thị Kiều D2; cùng kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm giải quyết sửa Bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho hàng thừa kế của ông Lê Văn M (Lê Văn C) được hưởng 2000m² theo di chúc và công nhận di chúc có hiệu lực, xét thấy:

Về hình thức, Di chúc được cụ Lê Văn T7 và cụ Bùi Thị T8 ký tên, có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại cơ quan có thẩm quyền. Theo Công văn số 248 ngày 15/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ xác định việc chứng thực di chúc tại thời điểm lập là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc di chúc được chứng thực hợp lệ về mặt hình thức không đồng nghĩa toàn bộ nội dung di chúc mặc nhiên có hiệu lực thi hành, mà còn phải xem xét sự phù hợp của di chúc với hiện trạng tài sản tại thời điểm mở thừa kế.

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000295 do Ủy ban nhân dân huyện C (cũ) cấp ngày 19/10/2000 cho hộ ông Lê Văn T7 có tổng diện tích 11.719m². Sau khi lập di chúc vào năm 2003, đến năm 2005 phần lớn diện tích đất đã bị thu hồi để thực hiện dự án khu đô thị; cụ T7 và cụ T8 đã nhận tiền bồi thường đối với phần diện tích bị thu hồi. Sau khi quy hoạch, diện tích đất thực tế còn lại chỉ khoảng 2.800m². Mặc dù có sự biến động rất lớn về tài sản nhưng hai cụ không sửa đổi, bổ sung hay lập lại di chúc để điều chỉnh phần tài sản còn lại cho phù hợp với thực tế. Do đó, đến thời điểm phát

sinh tranh chấp, nội dung phân chia quyền sử dụng đất trong di chúc không còn phù hợp với hiện trạng tài sản để lại.

Về nội dung, di chúc xác định phần diện tích chia cho các người con lớn hơn diện tích đất thực tế còn tồn tại sau khi Nhà nước thu hồi đất. Điều này dẫn đến việc di sản không còn đủ để phân chia theo đúng ý chí được thể hiện trong di chúc. Như vậy, nội dung di chúc không bảo đảm tính khả thi, không phù hợp với hiện trạng tài sản tại thời điểm mở thừa kế và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người thừa kế liên quan.

Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng di chúc hợp pháp cả về hình thức lẫn nội dung để yêu cầu công nhận toàn bộ hiệu lực của di chúc, là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, các đương sự chỉ viện dẫn việc di chúc được chứng thực hợp lệ mà không chứng minh được nội dung phân chia di sản vẫn còn phù hợp với hiện trạng tài sản thực tế sau khi bị Nhà nước thu hồi đất và đã nhận tiền bồi thường. Đồng thời, trong suốt thời gian còn sống sau khi đất bị quy hoạch, cụ T7 và cụ T8 cũng không có bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với di chúc đã lập. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, cần bác toàn bộ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị T, Lê Thị Q1, Lê Văn D1; kháng cáo cùng nội dung yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm giải quyết sửa Bản án theo hướng xem xét chia đều phần tài sản chung này cho 06 thành viên trong hộ gia đình. Sau đó, đối với 02 phần tài sản mà cụ T7 và cụ T8 được hưởng trong hộ gia đình, mới chia đều cho các hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ. Nhận thấy:

Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng phần đất tranh chấp được cấp cho hộ gia đình cụ T7 nên khi lập di chúc phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên trong hộ khẩu, nhận thấy:

Theo xác nhận thông tin cư trú của Công an xã C, thành phố Cần Thơ, tại thời điểm lập di chúc hộ ông Lê Văn T7 có 06 thành viên đều đã thành niên gồm: ông Lê Văn T7, bà Bùi Thị T8 và các con là ông Lê Văn D1, bà Lê Thị Q1, ông Lê Văn Q, bà Lê Thị T. Tuy nhiên, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất thừa nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp là do hai cụ tạo lập; các người con không có công sức đóng góp tiền bạc, tài sản để nhận chuyển nhượng hay tạo lập quyền sử dụng đất. Việc các con có tên trong hộ khẩu chỉ thể hiện quan hệ nhân thân, cư trú chung trong gia đình, không làm phát sinh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất chung đối với tài sản do cha mẹ tạo lập.

Mặt khác, mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho “hộ ông Lê Văn T7”, nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các thành viên trong hộ có cùng đóng góp công sức, tài sản hoặc cùng tạo lập quyền sử dụng đất để được xác định là đồng chủ sử dụng đất. Do đó, không có căn cứ xác định toàn bộ 06 thành viên trong hộ khẩu đều có quyền ngang nhau đối với di sản để yêu cầu chia thành 06 phần bằng nhau như bị đơn trình bày.

Việc bị đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ các thành viên trong hộ khẩu là không phù hợp với nguồn gốc hình thành tài sản và không đúng quy định pháp luật về xác định chủ thể có quyền sử dụng đất của hộ gia đình. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận, cần bác toàn bộ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và bà Lê Thị Kiều N3, bà Lê Thị Kiều N4, bà Lê Thị Kiều D2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đình chỉ một phần kháng cáo của bị đơn đã rút tại phiên tòa. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Xét mối quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện: “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*” Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định nên được xem xét. Việc ủy quyền là hợp lệ và đúng quy định. Đối với các đương sự vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Xét nội dung vụ kiện nhận thấy:

[2.1] Xét về hàng thừa kế: Cụ T7 và cụ T8 có tất cả 11 người con gồm: Ông Lê Văn L1, bà Lê Thị T, bà Lê Thị Q1, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn D1, ông Lê Văn T2 (chết) Hàng thừa kế tố tụng là anh Lê Tấn P, anh Lê Huệ T3. Ông Lê Văn B, (chết) có người thừa kế tố tụng là bà Lâm Thị Ú (vợ ông B) các con là chị Lê Thị Ánh N, anh Lê Hữu T4. Bà Lê Thị B1 (chết) có hàng thừa kế tố tụng là ông Đặng Văn T5 (chồng bà B1) và các con anh Đặng Quốc N1, chị Đặng Thị Thúy H1, chị Đặng Thị Thúy N2. Ông Lê Hùng L2 (chết) có hàng thừa kế tố tụng là bà

Nguyễn Thị H3 (Quyển, vợ ông L2) và các con chị Lê Thị Mỹ P1, chị Lê Thị Mỹ P2. Ông Lê Văn M (chết) có hàng thừa kế tổ tụng là bà Phan Thị Kim L (vợ ông M) và các con chị Lê Thị Kiều D2, chị Lê Thị Kiều N3, chị Lê Thị Kiều N4, anh Lê Phúc T6. Ngoài ra, hai cụ không có con riêng hay con nuôi.

[2.2] Xét về tài sản thừa kế: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 2.000m² trong tổng số diện tích đất tranh chấp 2.620,3m², loại đất LUC, thửa 650, tờ bản đồ 03, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000295, do Ủy ban nhân dân huyện C (cũ) cấp ngày 19/10/2000 cho hộ vụ Lê Văn T7, phần đất tọa lạc tại ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang nay là ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ và tài sản gắn liền với đất các đương sự thống nhất theo chứng thư thẩm định giá tổng tài sản trị giá 5.632.992.000 đồng (gồm Quyền sử dụng đất trị giá 5.350.652.600 đồng, công trình xây dựng 251.589.312 đồng, cây trồng 30.750.000 đồng). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn giao 2.000m² đất được chia theo di chúc với giá thẩm định theo chứng thư là 2.042.000 đồng/m², không yêu cầu chia các công trình kiến trúc và cây trồng trên đất. Nguồn gốc đất tranh chấp các đương sự đều thừa nhận là di sản của cụ tư và cụ T8 để lại. Do đó, tài sản nguyên đơn yêu cầu công nhận là 2.000 m² trong tổng số diện tích đất 2.620,3m² nên xác định đây là tài sản các bên tranh chấp.

[2.3] Xét tờ di chúc nguyên đơn cung cấp nhận thấy: Nguyên đơn cung cấp bản photo có chứng thực: “TỜ DI CHỨC ĐẤT ĐAI” do cụ Lê Văn T7 và cụ Bùi Thị T8 lập ngày 12/8/2003, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 13/8/2003.

[2.3.1] Xét về hình thức: Di chúc cụ T7 và cụ T8 lập hai cụ có ký tên, có chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn N xác nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ trả lời tính hợp pháp của di chúc. Tại công văn số 248 ngày 15/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã C trả lời: Tại thời điểm chứng thực là đúng quy định của pháp luật. Do đó, về mặt hình thức được xem di chúc hợp pháp lập đúng quy định pháp luật.

[2.3.2] Về mặt nội dung: Căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000295, do Ủy ban nhân dân huyện C (cũ) cấp ngày 19/10/2000 cho hộ cụ Lê Văn T7, với tổng diện tích 11.719m². Di chúc lập năm 2003 thì đến năm 2005 một phần đất đã bị thu hồi do quy hoạch dự án khu đô thị C và cụ T8 đã nhận tiền bồi thường nhưng hai cụ không điều chỉnh di chúc vì lúc này diện tích đất đã giảm và có sự thay đổi về diện tích. Vì vậy, phần nội dung của di chúc không còn phù hợp với thực tế. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố di chúc bị vô hiệu là có căn cứ.

[2.3.3] Do di chúc bị vô hiệu nên chia tài sản trên theo quy định pháp luật. Bị đơn cho rằng tại thời điểm lập di chúc chỉ có 06 người trong hộ khẩu, đất cấp cho hộ cụ T7 nên chỉ có 06 người này được hưởng: Xét thấy: 06 thành viên đều trên 18 tuổi tại thời điểm cấp gồm: cụ T7, sinh năm 1929 – Chủ hộ, cụ Bùi Thị T8, sinh năm 1934 – vợ và các con ông Lê Văn D1, sinh năm 1970, bà Lê Thị Q1, sinh năm 1974, ông Lê Văn Q, sinh năm 1975, bà Lê Thị T, sinh năm 1977.

Bị đơn cho rằng đất cấp cho hộ nhưng không đủ chữ ký của các thành viên trong gia đình nên di chúc vô hiệu. Bị đơn yêu cầu phản tố đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với các thành viên trong hộ gồm 6 người làm 6 phần bằng nhau, đối với 2 phần của ông T7, bà T8 bị đơn yêu cầu chia đều cho các hàng thừa kế của ông T7, bà T8.

Qua xem xét nhận thấy: Phía nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận nguồn gốc phần đất là di sản thừa kế là của cụ T7, cụ T8 để lại các thành viên còn lại không có công sức đóng góp tiền mua đất hay làm tăng giá trị đất nên bị đơn yêu cầu chia di sản thừa kế cho các thành viên trong hộ khẩu là không có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu chia 2.000m² thực tế chỉ được cho 1.000m² và 1.000m² còn lại là mua của cụ T7 nhưng không có chứng cứ chứng minh, thực tế nguyên đơn không biết vị trí đất, cũng không canh tác đất từ năm 1998 – 1999 vì đã về Sóc Trăng sinh sống. Lúc cụ T8 qua đời, cụ T7 vẫn còn sống nhưng nguyên đơn không liên hệ yêu cầu ông T7 chỉ rõ vị trí đất. Vì vậy, nguyên đơn chưa nhận đất để canh tác. Do di chúc bị vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm chia theo thừa kế theo quy định pháp luật là phù hợp.

Cụ thể: Phần di sản thừa kế sẽ được chia cho 11 người con nên được chia làm 11 phần bằng nhau mỗi người một phần do những anh chị em đã nhường phần cho ông Q nên ông Q được hưởng 9 phần, bà L là vợ ông Lê Văn M được hưởng 01 phần và 01 phần do bà H3 và các con giao cho bà L nhận.

Đối với người liên quan vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp được địa chỉ nên tạm giao kỷ phần trên bị đơn Lê Văn Q tạm quản lý. Cụ thể số tiền mà mỗi kỹ phần được nhận như sau:

Giá trị phần đất tranh chấp là 5.350.652.600 đồng. Mỗi phần có giá trị làm tròn số tiền 486.422.900 đồng. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn giá trị 2 phần với số tiền 972.845.800 đồng và 5 cây Mận loại A giá trị 3.000.000 đồng. Tổng cộng hàng thừa kế của ông M được hưởng là 975.845.800 đồng là phù hợp. Do các người con của ông Lê Văn M đồng ý để bà Phan Thị Kim L được hưởng phần của các chị nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cho bà L là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bà Phan Thị Kim L, bà L kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên không chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của ông Lê Văn Q và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều D2, chị Lê Thị Kiều N4, chị Lê Thị Kiều N3, bà Lê Thị Q1, bà Lê Thị T, ông Lê Văn D1 là không có căn cứ chấp nhận như nhận định trên.

Tuy nhiên, qua xem xét Bản án sơ thẩm và lời trình bày của chị Lê Thị Mỹ P1 (con của ông Lê Hoàng H2 (L2) đã chết thì thể hiện phần thừa kế của chị P1 được hưởng sẽ giao lại cho ông Q nhưng Bản án sơ thẩm tuyên giao phần của chị cho phía bà L. Chị P1 không kháng cáo. Ông Q kháng cáo xin được nhận phần này. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Q rút lại phần kháng cáo này. Đồng ý cho phía bà L được hưởng phần của chị P1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đình chỉ một phần kháng cáo của ông Q.

[5] Về chi phí tố tụng đo đạc, thẩm định giá, trích lục hồ sơ: Tổng chi phí 33.000.000 đồng. Nguyên đơn được hưởng 2 phần nên phải chịu 6.000.000 đồng, bị đơn được hưởng 9 phần phải chịu 27.000.000 đồng. Bị đơn phải nộp trả lại cho nguyên đơn tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không được chấp nhận phải chịu theo quy định.

[8] Xét đề nghị của V đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 609, Điều 613, Điều 623, Điều 635, Điều 643 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn bà Phan Thị Kim L.

Không chấp nhận kháng cáo của những người có quyền và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều D2, chị Lê Thị Kiều N4, chị Lê Thị Kiều N3 bà Lê Thị Q1, bà Lê Thị T, ông Lê Văn D1.

Chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn Q.

Giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc chia thừa kế.

Buộc bị đơn Lê Văn Q có trách nhiệm giao trả cho nguyên đơn Phan Thị Kim L số tiền 975.845.800 đồng. (*chín trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm đồng*)

Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn Lê Văn Q. Tuyên bố “TỜ DI CHÚC ĐẤT ĐAI” do ông Lê Văn T7 và bà Bùi Thị T8 lập ngày 12/8/2003, được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào ngày 13/8/2003 vô hiệu.

Công nhận cho bị đơn Lê Văn Q phần đất thừa kế diện tích 2.620,3m². Bị đơn Lê Văn Q được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với người liên quan vắng mặt do nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp được địa chỉ, để đảm bảo quyền lợi Hội đồng xét xử áp dụng án lệ số 06/2016/AL tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự vắng mặt có yêu cầu, phần tài sản tạm giao cho bị đơn Lê Văn Q quản lý.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Phan Thị Kim L phải chịu 41.275.000 đồng. Khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp thành án phí theo lai thu số 00011126 ngày 10/5/2023 thành án phí. Nguyên đơn phải nộp thêm 31.275.000 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bị đơn Lê Văn Q phải chịu 112.377.800 đồng. Khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng bị đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003503 ngày 17/01/2025 và số tiền 300.000 đồng Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003155 ngày 20/8/2024 thành án phí. Bị đơn phải nộp thêm 62.077.800 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều N3 được nhận lại tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003150 ngày 19/8/2024 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kiều D2 được nhận lại tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003151 ngày 19/8/2024 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

[3] Về chi phí tố tụng đo đạc, thẩm định giá, trích lục hồ sơ: Tổng chi phí 33.000.000 đồng. Nguyên đơn được hưởng 2 phần nên phải chịu 6.000.000 đồng, bị đơn được hưởng 9 phần phải chịu 27.000.000 đồng. Bị đơn Lê Văn Q phải nộp trả lại cho nguyên đơn Phan Thị Kim L 27.000.000 đồng tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002835 ngày 04/9/2025 thành án phí tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà T đã nộp xong.

Bà Lê Thị Q1 phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002832 ngày 04/9/2025 thành án phí tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Q1 đã nộp xong.

Ông Lê Văn D1 phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002836 ngày 04/9/2025 thành án phí tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông D1 đã nộp xong.

Ông Lê Văn Q phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002831 ngày 04/9/2025 thành án phí tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Ông Q đã nộp xong.

Chị Lê Thị Kiều N3 phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002633 ngày 27/8/2025 thành án phí tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Chị N3 đã nộp xong.

Bà Phan Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002631 ngày 27/8/2025 thành án phí tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà L đã nộp xong.

Chị Lê Thị Kiều N4 phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002637 ngày 27/8/2025 thành án phí tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Chị N4 đã nộp xong.

Chị Lê Thị Kiều D2 phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002632 ngày 27/8/2025 thành án phí tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Chị D2 đã nộp xong.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 14 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Hải